

Số: /BC-SYT

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NGÀNH Y TẾ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**  
**VÀ NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023**

**I. Tình hình công tác y tế 6 tháng đầu năm 2023:**

**1. Công tác y tế dự phòng:**

**a) Tình hình dịch bệnh:**

Các bệnh truyền nhiễm gây dịch trong 6 tháng đầu năm có 7 bệnh giảm, 9 bệnh tăng, 24 bệnh ổn định so với cùng kỳ năm trước (*Phụ lục 1*).

- COVID-19 (M/C): 1.763/2 (BMT: 254, Lắk: 83, Krông Bông: 20, Krông Buk: 105, Ea H'leo:32, Krông Pắc: 83, Krông Ana:136/1, Cư M'gar:105, Ea Sup: 73, M'Đrắk: 180, Krông Năng: 220, Ea Kar: 193/1, Buôn Đôn: 66, Cư Kuin: 101, Tx. Buôn Hồ: 112).

- Viêm não Nhật Bản (M/C): 2/0 (Buôn Hồ:1, Krông Pắc:1).
- Bệnh tay chân miệng: M/C): 141/1.
- Bệnh Sốt xuất huyết: (M/C): 447/0. Không có trường hợp tử vong.
- Bệnh dại: (M/C): 02/02 (Krông Buk:1, Krông Pắc:1)
- Bệnh sốt rét: M/C: 03/0. Không có trường hợp tử vong.
- Bệnh Whitmore: M/C: 01/01. (Ea Sup)
- Bệnh Adenovirus: M/C:2/0. Không có trường hợp tử vong.
- Bệnh Liên cầu lợn: M/C:2/0. Không có trường hợp tử vong.
- Bệnh Thủy đậu: 279/0. Không có trường hợp tử vong.
- Không ghi nhận ca bệnh cúm A/H1N1 và Sởi, tiêu chảy do vi rút Rota.
- Các bệnh truyền nhiễm khác ổn định.

**b) Hoạt động y tế dự phòng:**

**\* Kết quả tiêm chủng mở rộng (*Phụ lục 2*)**

- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đầy đủ: đạt tỷ lệ 33%;
- Tỷ lệ tiêm PNCT UV2+: đạt tỷ lệ 37%
- Tỷ lệ tiêm vắc xin DPT trẻ 18 tháng: đạt tỷ lệ 32,2%.
- Tỷ lệ tiêm vắc xin sởi - rubella trẻ 18 tháng: đạt tỷ lệ 41,7%;
- Tiêm VNNB mũi 2 cho trẻ 1-3 tuổi: đạt tỷ lệ: 36,6%
- Báo cáo kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 toàn tỉnh:

STT	Tỷ lệ %	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3	Mũi 4
-----	---------	-------	-------	-------	-------

	<b>Nhóm đối tượng</b>				
01	Nhóm tuổi từ 18 tuổi	Tỷ lệ bao phủ Mũi 1, Mũi 2 đã đạt chỉ tiêu 100%		89,0	79,3
02	Nhóm tuổi từ 12-17 tuổi			85,3	-
03	Nhóm tuổi từ 5-11 tuổi	94,5	71,0	-	-

- Triển khai công tác phòng chống dịch bệnh năm 2023.
- Nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh như COVID-19, thủy đậu, Adenovirus, sốt xuất huyết, tay chân miệng, các bệnh dịch mới phát sinh và các bệnh dịch nguy hiểm khác xảy ra trên địa bàn.
- Theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ, giám sát triển khai tiêm, tiêm vét các loại vắc xin trong TCMR, triển khai tiêm vắc xin IPV mũi 2 và tiêm vắc xin COVID-19 tại các huyện/thị xã/ thành phố.
- Phối hợp với đoàn WHO, Viện VSDT TW, Viện VSDT Tây Nguyên giám sát hoạt động tiêm chủng tại huyện Buôn Đôn.
- Kiểm tra công tác phòng chống dịch trước, trong ngày lễ hội cà phê và dịch cúm gia cầm tại huyện Buôn Đôn và Ea Súp.
- Tham gia thu thập véc tơ truyền bệnh SXH tại TP BMT, TX Buôn Hồ.
- Tham gia cùng đoàn Viện VSDT Tây Nguyên và TTKSBT Hoa Kỳ tại Việt Nam về đánh giá sau đáp ứng dịch COVID-19 tại các huyện/thị xã/thành phố.
- Thực hiện giám sát véc tơ SXH định kì tháng 05 tại các huyện/TX/TP: TP BMT, Buôn Đôn, Krông Păk, TX Buôn Hồ, Krông Ana.
- Giám sát xử lý ổ dịch: Sốt xuất huyết tại huyện Buôn Đôn; ổ dịch Đại tại huyện Cư M'gar.
- Kiểm tra, giám sát ổ dịch thủy đậu tại huyện M'Đắk, TP BMT.
- Kiểm tra, giám sát bệnh Liên cầu lợn tại huyện Ea H'Leo.
- Tổng hợp kết quả đợt 6-13 năm 2023, phối hợp thực hiện dự án nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng giai đoạn III vắc xin S-268019 phòng COVID-19 tại tỉnh Đắk Lắk.
- Theo dõi, kiểm tra, giám sát tiêm các loại vắc xin trong TCMR, triển khai tiêm vắc xin IPV và vắc xin COVID-19 tại các huyện/thị xã/ thành phố.
- Điều tra, giám sát: Tay chân miệng tại Tx Buôn Hồ; Bệnh Whitmore tại huyện Ea Súp, viêm não Nhật Bản

## **2. Công tác khám chữa bệnh:**

- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Trong 6 tháng đầu năm 2023 đã khám 1.558.922 lượt, điều trị nội trú cho 165.169 lượt, điều trị ngoại trú cho 25.633 lượt (*Chi tiết tại Phụ lục 6a, 6b, 6c*).

- Tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh trong năm 2023 và những năm tiếp theo, tăng cường đầu tư trang thiết bị; tăng cường giáo dục về y đức, củng cố nhân lực, bố trí cán bộ phù hợp với trình độ chuyên môn, thực hiện tốt các qui định hiện hành.

- Tiếp tục duy trì việc tổ chức triển khai học tập, kiểm tra giám sát việc thực hiện quy tắc ứng xử; đặc biệt là việc giao tiếp ứng xử với người bệnh và người nhà người bệnh; nâng cao y đức nghề nghiệp và thái độ phục vụ của cán bộ, nhân viên y tế, nhất là y, bác sỹ trong các cơ sở khám chữa bệnh.

- Tiếp tục tăng cường chỉ đạo và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện.

- Xây dựng và phát triển khoa y học cổ truyền tại các cơ sở khám chữa bệnh. Kết hợp chặt chẽ đông y với tây y, y học cổ truyền với y học hiện đại trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Nâng cao tinh thần y đức, đạo đức nghề nghiệp và thái độ phục vụ của cán bộ, nhân viên y tế trong các cơ sở khám chữa bệnh.

- Kết hợp quần dân y trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Thực hiện tốt chính sách chăm sóc cho người cao tuổi, người dân tộc thiểu số, người nghèo; làm tốt công tác DS-KHHGD, bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em, đặc biệt là bà mẹ có thai và trẻ em dưới 6 tuổi.

- Tổ chức khảo sát sự hài lòng của người bệnh và người nhà bệnh nhân tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh.

### **3. Công tác phòng chống HIV/AIDS: (phụ lục 3)**

- Số HIV mới phát hiện: 62, Tích lũy: 2.114

- Số BN AIDS mới phát hiện: 0, Tích lũy: 1.211

- Số chết do AIDS: 01, Tích lũy: 492.

- Số bệnh nhân hiện đang điều trị Methadone: 185, Tích lũy: 210

(\*): *Lũy tích HIV/AIDS/tử vong hiện tại = Lũy tích HIV/AIDS/tử vong*

*tháng trước + số mới - trùng lặp sau rà soát = 2.110/1.217/492 + 13/00/00 - 09/06/00 = 2.114/1.211/492*

### **4. Công tác An toàn thực phẩm:**

#### **a) Tình hình ngộ độc thực phẩm:**

Trong 6 tháng đầu năm 2023 xảy ra 06 vụ NĐTP tại 04 địa phương trên địa bàn tỉnh (gồm: 01 vụ tại huyện Lắk, 01 vụ tại thành phố Buôn Ma Thuột, 02 vụ tại huyện Buôn Đôn và 02 vụ tại huyện Ea Súp) với tổng cộng 64 người mắc,

55 người nhập viện điều trị, không có trường hợp tử vong. Nguyên nhân gây ra các vụ NĐTP do: vi sinh vật (02 vụ), độc tố tự nhiên sẵn có trong ấu trùng ve sâu, nấm rùng (03 vụ), thực phẩm biến chất (01 vụ). So với cùng kỳ năm 2022, tăng 06 vụ NĐTP và tăng 64 người mắc.

**b) Hoạt động đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm:**

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai công tác bảo đảm ATTP và quyết định thành lập các Đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành về ATTP trong đợt Tết Nguyên đán Quý Mão 2023 và “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2023.

- Triển khai 05 đợt thanh tra, kiểm tra về ATTP, gồm: 02 đợt liên ngành trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão và “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm”; 01 đợt thanh tra chuyên ngành và 02 đợt thanh tra đột xuất.

+ Số đoàn thanh tra, kiểm tra là 431, số cơ sở được thanh tra, kiểm tra là 5.985, số cơ sở đạt yêu cầu là 5.313, chiếm tỷ lệ 88,8%. Số cơ sở bị xử lý vi phạm hành chính về ATTP là 143, hình thức phạt tiền với số tiền phạt là 509.410.000 đồng.

+ Thực hiện 993 mẫu kiểm nghiệm phục vụ thanh tra, kiểm tra về ATTP (gồm: 76 mẫu thực hiện tại labo và 917 test nhanh), số mẫu đạt yêu cầu là 973 (gồm: 65 mẫu thực hiện tại labo và 908 test nhanh), chiếm tỷ lệ 97,9%.

- Toàn tỉnh cấp 1.671 Giấy chứng nhận (GCN) cơ sở đủ điều kiện ATTP trên tổng số 2.799 cơ sở thuộc đối tượng phải cấp GCN, đạt tỷ lệ 59,7%. Trong đó: Chi cục ATVSTP cấp 330/339 cơ sở (đạt 97,3%), tuyến huyện cấp 1.341/2.460 cơ sở (đạt 54,5%).

- Tiếp nhận Bản tự công bố sản phẩm đối với 12 sản phẩm của 10 cơ sở, đồng thời thực hiện việc lưu trữ hồ sơ, đăng tải tên tổ chức, cá nhân và tên các sản phẩm tự công bố trên Trang thông tin điện tử của Chi cục ATVSTP.

**5. Chương trình Y tế - Dân số:**

**a) Công tác phòng chống sốt rét:**

- Bệnh nhân (M/C): 3/0 (Ea Kar: 1, Krông Năng: 1, BMT: 01).

- Báo cáo tổng hợp số liệu cho hội thảo lộ trình loại trừ sốt rét khu vực Miền Trung - Tây Nguyên.

- Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn “Giám sát chất lượng chẩn đoán và điều trị sốt rét đảm bảo tuân thủ theo hướng dẫn Quốc gia” tại huyện Ea Kar.

- Theo dõi tình hình Sốt rét tại các huyện và BVĐK vùng Tây Nguyên, BVĐK Thiện Hạnh, BV trường ĐHTN.

- Không có bệnh nhân sốt rét ác tính và tử vong.

- Dịch Sốt rét: Không xảy ra.

- Triển khai các hoạt động để tiếp nhận Dự án RAI 2E, HPA.

**b) Công tác phòng chống phong:**

- Tổ chức khám nhóm cho những vùng dịch tễ phong cao.
- Chỉ đạo các tuyến củng cố hồ sơ quản lý, tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức nhằm đẩy mạnh chương trình phòng chống bệnh phong.
- Kiểm tra, giám sát và chăm sóc tàn tật cho bệnh nhân phong tại các xã hiện đang quản lý bệnh nhân phong thuộc các huyện trong tỉnh.

**c) Công tác Dân số- Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD):** (phụ lục 5a, 5b, 5c)

- Chỉ đạo Trung tâm Y tế huyện/thị xã/thành phố triển khai kế hoạch hoạt động chương trình DS-KHHGD 06 tháng đầu năm 2023. Xây dựng và triển khai thực hiện các Chương trình, Kế hoạch Dân số -KHHGD năm 2023 đã được Sở Y tế ban hành như: Kế hoạch thực hiện Chiến lược Dân số; Chương trình điều chỉnh mức sinh; Chương trình Củng cố phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Đắk Lắk; Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tỉnh Đắk Lắk; Kế hoạch hoạt động Truyền thông - giáo dục về Dân số và phát triển ở tỉnh Đắk Lắk; Kế hoạch thực hiện Đề án mất cân bằng giới tính khi sinh tỉnh Đắk Lắk; Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chuẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

- Xây dựng, triển khai Kế hoạch Kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số và nâng cao hiệu lực hiệu quả công tác thanh tra chuyên ngành dân số năm 2023.

- Tiếp tục theo dõi, quản lý, phân phối phương tiện tránh thai miễn phí. Đảm bảo cung cấp các phương tiện tránh thai phi lâm sàng theo quy định, thực hiện tốt các hoạt động và đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu giao. Phối hợp với Trung tâm Kiểm soát dịch bệnh tỉnh trong việc triển khai thực hiện tiếp nhận, phân phối PTTT miễn phí. Tại các huyện đã hình thành hai hệ thống cung cấp dịch vụ KHHGD: Hệ thống cung cấp các phương tiện tránh thai phi lâm sàng do các cộng tác viên DS-KHHGD chịu trách nhiệm và hệ thống các phương tiện tránh thai lâm sàng do Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế, Trung tâm Kiểm soát dịch bệnh tỉnh, Trạm y tế xã thực hiện.

- Triển khai thực hiện Chiến dịch truyền thông dân số năm 2023 cho các huyện, thị xã, thành phố.

- Duy trì các hoạt động truyền thông thường xuyên, lồng ghép các hoạt động tuyên truyền chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác Dân số-KHHGD và SKSS vị thành niên và thanh niên. Công tác truyền thông đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, các tổ chức và cá nhân trong việc thực hiện chính sách DS-KHHGD.

## **6. Thực hiện các công tác trọng tâm khác:**

### **a) Công tác Kế hoạch - Tài chính**

- Quyết định về việc giao bổ sung dự toán thu, chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước năm 2022.
- Công văn về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số - Dự án 7.
- Công văn về việc lập, thẩm định phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025.
- Kế hoạch về việc thực hiện Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi năm 2023.
- Thẩm định phương án tự chủ giai đoạn 2023-2025 của các đơn vị trực thuộc.
- Thẩm định Tờ trình đề nghị hỗ trợ tiền ăn cho F1, F0 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.
- Phối hợp đi thẩm tra, quyết toán ngân sách các đơn vị trực thuộc.
- Quyết định thanh lý tài sản cho Bệnh viện Y học cổ truyền, TTYT huyện M'Đrăk.
- Quyết định về việc phê duyệt mua sắm Bông, băng, gạc, chỉ năm 2023 của BVĐK thành phố BMT.
- Quyết định về việc phê duyệt mua sắm văn phòng phẩm, vật tư văn phòng phục vụ hoạt động tại TTYT huyện Cư Kuin năm 2023.
- Quyết định về việc phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát địa chất xây dựng Dự án: Đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho TTYT huyện Ea Súp.
- Tờ trình về việc phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh.
- Công văn về việc báo cáo việc đấu thầu, mua sắm hóa chất, vật tư, sinh phẩm.
- Công văn về việc báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 2023.
- Tờ trình về việc bổ sung kinh phí cho các đối tượng chính sách xã hội khác tại các cơ sở công lập thuộc ngành Y tế trên địa bàn tỉnh nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.
- Công văn thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với dân quân thường trực.

***b) Công tác tổ chức cán bộ:***

- Phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch giai đoạn 2020-2025 và quy hoạch giai đoạn 2026-2031 các chức danh lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế. Rà soát đề nghị chủ trương quy trình Phó Giám đốc Sở Y tế.



- Triển khai sắp xếp, tổ chức lại cơ cấu tổ chức theo Nghị định 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ đối với Trung tâm Pháp y. Trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và Đề án sắp xếp, tổ chức lại cơ cấu tổ chức bộ máy Trung tâm Pháp y.

- Triển khai xây dựng văn bản quy phạm pháp luật Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thuộc Sở Y tế; Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Tổng hợp, đề nghị bổ nhiệm chức danh nghề và xếp lương từ hạng II lên hạng I, từ hạng III lên hạng II đối với viên chức trúng tuyển kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Triển khai rà soát thực trạng tổ chức, nhận lực và hoạt động của Trung tâm Y tế thành phố Buôn Ma Thuột.

- Triển khai thực hiện Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng công việc tại cơ quan, đơn vị; xử lý thỏa thuận hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đối với các đơn vị sự nghiệp.

- Triển khai thực hiện chế độ cấp ưu đãi theo nghề tại Nghị định số 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

- Xếp lương từ loại B sang loại A0 đối với viên chức chuyên ngành y tế theo Thông tư số 03/2022/TT-BYT của Bộ Y tế: 26 đơn vị.

- Tổng hợp, đề nghị tinh giản biên chế đợt 2 năm 2023; rà soát số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp năm 2023.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm, hình thức xử lý đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến các khuyết điểm, thiếu sót theo các kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra.

- Báo cáo đánh giá 05 năm thực hiện Thông tư số 38/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng.

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW 6 tháng đầu năm 2023.

- Triển khai xây dựng vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo Thông tư số 03/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Triển khai nhu cầu đào tạo sau đại học đối với công chức, viên chức; thông báo đào tạo, bồi dưỡng về chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

### ***c) Công tác Nghiệp vụ Y Dược***

- Kế hoạch triển khai hoạt động tư vấn khám, chữa bệnh từ xa tuyến y tế cơ sở sử dụng phần mềm “Bác sĩ cho mọi nhà”.

- Báo cáo tình hình phòng, chống dịch COVID-19 và các hoạt động hỗ trợ người dân, người lao động, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19.
- Công văn tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh mùa Lễ hội.
- Tổng hợp báo cáo công tác Y, dược cổ truyền năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.
- Triển khai thực hiện Kế hoạch phòng chống dịch bệnh năm 2023.
- Công văn tăng cường công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm mùa Lễ hội năm 2023.
- Công văn tăng cường vận động người tình nguyện tham gia đầy đủ thử nghiệm lâm sàng vắc xin S-268019 phòng COVID-19 tại Vòng 7.
- Kế hoạch Tập huấn cho điều tra viên tham gia Nghiên cứu dọc về Người cao tuổi và Sức khỏe tại Việt Nam.
- Báo cáo cơ sở đủ điều kiện xác định tình trạng nghiên.
- Kế hoạch Phòng, chống dịch bệnh Tay chân miệng, năm 2023.
- Kế hoạch Phòng, chống bệnh dại, năm 2023.
- Tham mưu Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định KHLCNT của các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.
- Tham mưu Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định KHLCNT của các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.
- Thực hiện công tác thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu mua thuốc Generic thuộc danh mục cấp địa phương năm 2022-2023.
- Công văn về việc đồng ý phối hợp tổ chức họp tổng kết báo cáo chuyên đề Tăng cường tỷ lệ tiêm chủng tại địa phương.
- Công văn triển khai Kế hoạch Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2023.
- Công văn hướng dẫn triển khai giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm.
- Công văn tăng cường biện pháp phòng bệnh Thủy đậu trên địa bàn tỉnh.
- Kế hoạch Đảm bảo công tác Y tế Giải Vô địch Boxing các đội mạnh toàn quốc năm 2023.
- Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định thành lập các Đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2023.
- Báo cáo thẩm định Kỹ thuật gói thầu generic địa phương.
- Báo cáo thẩm định hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022 của xã Dray Bông, huyện Cư Kuin.



- Báo cáo Kết quả cấp cứu tai nạn giao thông Quý I năm 2023 và phương hướng Quý II năm 2023.

**d) Công tác Thanh tra**

- Duy trì công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; đôn đốc các đơn vị theo dõi, xử lý thông tin phản ánh của công dân qua đường dây nóng.

- Tham mưu văn bản triển khai các đơn vị trực thuộc triển khai công tác tiếp công dân phục vụ Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

- Rà soát, tổng hợp báo cáo giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, tồn đọng, kéo dài.

- Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng tại Trung tâm Y tế huyện Cư Mgar.

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm làm việc với Công ty Dược phẩm Âu Cơ về việc mẫu không đạt chất lượng - Roxithromycin 150 mg.

- Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

- Tham mưu thành lập Hội đồng chuyên môn xem xét trả lời trung cầu của các cơ quan, đơn vị gửi văn bản trung cầu Công an tỉnh, Công an thị xã Buôn Hồ).

- Tổng hợp, báo cáo công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả quý I, II và 6 tháng đầu năm 2023.

- Báo cáo tổng kết 05 năm (2018-2022) thực hiện Luật thi hành tạm giữ, tạm giam.

- Công văn chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Bộ Y tế, Ban Chỉ đạo 389 tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng chống tội phạm...

**e) Công tác Văn phòng:**

- Duy trì tốt hệ thống Quản lý văn bản và điều hành iDesk, hệ thống Email của tỉnh Đắk Lắk.

- Báo cáo công tác cải cách hành chính quý I, II năm 2023.

- Kế hoạch 131/NQ-CP về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính năm 2023.

- Kế hoạch rà soát đơn giản hóa TTHC nội bộ trong giai đoạn 2022-2025.

- Kế hoạch công tác cải cách hành chính năm 2023.

- Xây dựng Kế hoạch duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 năm 2023.

- Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt quy trình nội bộ và quy trình liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Y tế.

- Báo cáo phục vụ Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023.

- Kế hoạch Nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công năm 2023.

- Công văn nâng cao Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước.

- Duy trì hoạt động hệ thống giao ban trực tuyến của ngành Y tế Đắk Lắk với 22 điểm cầu của 15 huyện/thị xã/thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2023.

- Ban hành Kế hoạch phát động phong trào thi đua “Chuyển đổi số giai đoạn 2023 - 2025”

- Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 964/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

- Đánh giá Bộ chỉ số Chuyển đổi số cấp Sở, ban, ngành năm 2022.

- Tiếp tục duy trì thực hiện Hệ thống báo cáo Thống kê y tế theo Thông tư 37/2019/TT-BYT ngày 30/12/2019 của Bộ Y tế quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Y tế.

- Triển khai phần mềm “Bác sĩ cho mọi nhà” nhằm cải thiện tiếp cận dịch vụ y tế cho người dân và nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ tại các đơn vị y tế cơ sở.

- Công văn triển khai thực hiện các giải pháp tăng cường công tác đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy.

- Thực hiện tự kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Sở Y tế.

- Báo cáo Kết quả triển khai thực hiện Luật phòng cháy, chữa cháy Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy và kết quả thực hiện các quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực cứu nạn, cứu hộ.

***f) Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe:***

- Thực hiện công tác truyền thông giáo dục sức khỏe theo định hướng của Bộ Y tế, Trung tâm Giáo dục sức khỏe Trung ương; Đặc biệt, tập trung tuyên truyền các chủ đề phòng, chống dịch COVID-19 trong tình hình mới “Vì một Việt Nam vững vàng và mạnh khỏe”, tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19, công tác phòng chống dịch tại địa phương và truyền thông theo các chủ đề trong tháng; Kịp thời đưa tin, bài phản ánh các hoạt động trong ngành; Thực hiện các chuyên mục, chuyên trang định kì trên sóng PT-TH, VOV, báo Đắk Lắk, tin bài cộng tác website và các báo khác, Bản tin Sức khỏe Đắk Lắk

- Truyền thông gián tiếp được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng thông qua các kênh truyền thông như: hệ thống phát thanh – truyền hình, báo viết, báo điện tử của ngành và Trung ương, các báo địa phương với các nội dung truyền thông GDSK theo chủ đề của truyền thông Trung ương với các nội dung: phòng chống dịch COVID-19 (điều trị hậu COVID-19, tiêm chủng vắc xin)

- Tuyên truyền theo các chủ đề theo định hướng truyền thông Trung ương: các kỹ thuật mới trong khám chữa bệnh; an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Nhâm Dần, tuyên truyền các hoạt động chào mừng ngày thầy thuốc Việt Nam (27/2), Tuần lễ An toàn vệ sinh lao động (15-21/3), ngày nước sạch thế giới (22/3), ngày thế giới phòng chống bệnh lao (24/3), tháng hành động về ATVSLĐ, ngày Hen toàn cầu (tuần 1/5), phòng chống SXH, đuối nước, phòng chống THTL, tay chân miệng, bệnh viêm gan bí ẩn ở trẻ, bệnh đậu mùa khỉ, bệnh dại, ...

### **g) Công tác kiểm tra chất lượng thuốc:**

Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm đã tiến hành giám sát 62 cơ sở y tế công lập, ngoài công lập, các cơ sở kinh doanh, phân phối dược phẩm, mỹ phẩm trên địa bàn tỉnh gồm: 10 Bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế chuyên khoa, trung tâm y tế huyện; 08 công ty kinh doanh dược phẩm; 21 nhà thuốc; 13 quầy thuốc; 10 cơ sở kinh doanh mỹ phẩm; Phát hiện 03 mẫu dược phẩm không đạt chất lượng, trong đó: 02 mẫu tân dược được lấy tại nhà thuốc; 01 mẫu tân dược được lấy tại công ty phân phối.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, tổng số mẫu thực hiện kiểm nghiệm: 583 mẫu (103 chỉ tiêu/ 3635 lượt thực hiện) trên cả 3 lĩnh vực dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm. Trong đó: *Mẫu thuốc lấy kiểm tra: 341/750 mẫu (đạt 45,47 %); Mẫu mỹ phẩm lấy kiểm tra: 76/200 mẫu (đạt 38,0 %); Mẫu gửi: 157 mẫu; Mẫu duy trì phép thử: 09 mẫu.*

Về hệ thống quản lý chất lượng, Trung tâm đã Đánh giá giám sát Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 lĩnh vực Dược, Hóa, Sinh do Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) - Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện; tiếp tục bổ sung các lĩnh vực thử nghiệm theo quy định của Nghị định 107/2016/NĐ-CP, duy trì hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

### **h) Công tác giám định Y khoa:**

Tổ chức giám định cho các đối tượng chính sách và khám sức khỏe với tổng số: 318 lượt người. Trong đó: Tai nạn lao động: 09; Hưu trí: 89; Người bị ảnh hưởng chất độc hóa học/dioxin: 11; Khuyết tật: 191; Khác: 15.

## **II. Những nội dung trọng tâm công tác y tế 6 tháng cuối năm 2023:**

### **1. Về chăm sóc sức khỏe ban đầu, nâng cao sức khỏe tiến tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân**

- Tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch, an toàn cho mọi trẻ em trong diện tiêm chủng. Giáo dục thay đổi hành vi cho học sinh về dinh dưỡng hợp lý, hạn chế các

thực phẩm không có lợi cho sức khỏe; xây dựng thực đơn và tổ chức các bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng tại trường học; định kỳ theo dõi tình trạng dinh dưỡng, kiểm tra sức khỏe; chăm sóc mắt cho trẻ em.

- Tiếp tục công tác tư vấn xét nghiệm HIV cho đối tượng nguy cơ cao đến tư vấn, xét nghiệm tại phòng tư vấn, xét nghiệm HIV, chuyển gửi thành công người nhiễm HIV phát hiện mới đến tham gia điều trị ARV.

- Giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, hoá chất độc hại đến sức khỏe con người. Tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh; tỷ lệ người dân rửa tay với xà phòng.

- Lập hồ sơ sức khỏe cá nhân, định kỳ kiểm tra sức khỏe cho người dân để phát hiện và quản lý điều trị một số bệnh không lây nhiễm như tăng huyết áp, đái tháo đường, một số bệnh ung thư. Thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dựa vào cộng đồng, chăm sóc dài hạn. Chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động.

## ***2. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và hiệu quả hoạt động của y tế cơ sở.***

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Thực hiện tốt công tác phòng, chống HIV/AIDS, bệnh lao, bệnh sốt rét. Củng cố hệ thống tiêm chủng mở rộng.

- Thực hiện đổi mới cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu, “người gác cổng” của hệ thống y tế, hoạt động theo nguyên lý y học gia đình, phát triển mạnh bác sỹ gia đình ở các đô thị, khu dân cư.

- Triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý trạm y tế, tiêm chủng, quản lý bệnh tật, quản lý, theo dõi hồ sơ sức khỏe người dân gắn với quản lý thẻ, thanh toán bảo hiểm y tế. Thiết lập hệ thống sổ sức khỏe điện tử đến từng người dân, thường xuyên cập nhật các thông tin, chỉ số sức khỏe khi đi khám sức khỏe, chữa bệnh.

## ***3. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và sự hài lòng của người bệnh***

- Đẩy mạnh các giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Thực hiện đề án bệnh viện vệ tinh; thực hiện lộ trình liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm; tăng cường đào tạo, luân phiên hai chiều cán bộ y tế, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới; đổi mới phong cách, thái độ phục vụ; xây dựng bệnh viện xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh, hướng tới thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh.

- Xây dựng và thực hiện chương trình phát triển y học cổ truyền, tăng cường kết hợp với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, nâng cao sức khỏe.

- Tăng cường khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách. Triển khai các mô hình tổ chức linh hoạt, phù hợp với điều kiện từng nơi để bảo đảm dịch vụ khám, chữa bệnh cho người dân vùng sâu, vùng xa, biên giới.

#### **4. Công tác đào tạo nhân lực**

- Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý điều hành cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước lĩnh vực y tế từ tuyến tỉnh đến cơ sở; chú trọng quan tâm đào tạo nhân lực chuyên khoa mũi nhọn; nâng cao chất lượng chuyên môn kỹ thuật, kịp thời đáp ứng yêu cầu chức năng nhiệm vụ trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng đảm bảo phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

- Thực hiện tốt các chế độ chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích các cán bộ tham gia đào tạo bồi dưỡng; khuyến khích người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở, các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, biên giới và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong, ... nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật phục vụ khám, chữa bệnh theo tuyến điều trị.

#### **5. Ứng dụng công nghệ thông tin**

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của trạm y tế xã, triển khai lập, quản lý và theo dõi hồ sơ sức khỏe cá nhân và bệnh án điện tử và kết nối các thông tin, dữ liệu quản lý khác như khám, chữa bệnh BHYT, tiêm chủng, quản lý bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm.

- Quản lý hồ sơ sức khỏe người dân, người khuyết tật, tích hợp dữ liệu tham gia, thanh toán bảo hiểm y tế với dữ liệu Bảo hiểm xã hội và mã số định danh công dân, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.

- Hoàn thành việc kết nối mạng giữa cơ sở khám bệnh và các nhà thuốc, bảo đảm kiểm soát xuất xứ, giá cả thuốc được mua vào, bán ra và việc bán thuốc theo đơn trên toàn quốc.

- Tăng cường chẩn đoán, điều trị từ xa (Telemedicine), gắn với đào tạo, chuyển giao kỹ thuật.

- Ứng dụng công nghệ thông tin phổ biến tri thức trong phòng bệnh, chữa bệnh và nâng cao sức khỏe; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính công, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm phiền hà cho người dân và doanh nghiệp; thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công; thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý tại các đơn vị y tế từ tỉnh đến huyện/xã.

#### **6. Công tác tài chính**

- Tiếp tục thực hiện các chỉ đạo đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các cơ sở y tế công lập theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho

các đơn vị; giá dịch vụ y tế được tính đúng, tính đủ chi phí và có tích lũy để đầu tư phát triển, bảo đảm công khai, minh bạch, gắn với chất lượng dịch vụ.

- Đẩy mạnh huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế. Đa dạng hoá các hình thức hợp tác công - tư, bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt công - tư trong cung cấp dịch vụ y tế.

### **7. *Đẩy mạnh công tác truyền thông - giáo dục sức khỏe***

- Kiện toàn mạng lưới truyền thông - giáo dục sức khỏe. Tăng cường đào tạo, đào tạo lại, tập huấn nâng cao năng lực hoạt động và kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe cho các tuyến.

- Xây dựng chương trình truyền thông phù hợp với nhóm đối tượng đích, phù hợp với các yếu tố về văn hóa, giới, lứa tuổi và dân tộc. Phát triển các mô hình truyền thông hiệu quả tại cộng đồng; mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động truyền thông để nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và người dân với quan điểm “Sức khỏe cho mọi người”, và “Mọi người vì sức khỏe”.

- Tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức cho nhân dân về lối sống, hành vi ảnh hưởng đến sức khỏe như hút thuốc lá, lạm dụng rượu bia, tình dục không an toàn, dinh dưỡng không hợp lý; về sức khỏe học đường, dân số - kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản, rèn luyện thể dục - thể thao, giúp người dân có các kiến thức cơ bản về phòng chống bệnh tật, có lối sống lành mạnh, tự rèn luyện để giữ gìn và nâng cao sức khỏe./.

#### ***Nơi nhận:***

- Bộ Y tế (*báo cáo*);
- Tỉnh ủy (*báo cáo*);
- HĐND, UBND tỉnh (*báo cáo*);
- Viện VSDT Tây Nguyên;
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Các tổ chức TMTH-CMNV Sở Y tế;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Các bệnh viện tư nhân trên địa bàn tỉnh;
- Bệnh viện Trường ĐHTN;
- Bệnh viện Công an tỉnh;
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC.

#### **GIÁM ĐỐC**

**Nay Phi La**



## Phụ lục 1:

## TÌNH HÌNH BỆNH TRUYỀN NHIỄM 6 THÁNG NĂM 2023

TT	Tên bệnh	6 tháng/2023		6 tháng/2022		So sánh (%, số lần, ca)	
		M	C	M	C	M	C
1	Tả	-	-	-	-	-	-
2	Thương hàn	-	-	-	-	-	-
3	Lỵ trực trùng	55	-	83	-	↓33,7 %	-
4	Lỵ A míp	77	-	101	-	↓23,8%	-
5	Tiêu chảy	1.581	-	1.895	-	↓16,6%	-
6	Viêm não vi rút	5	-	2	-	↑3 ca	-
7	Sốt Dengue/SXHD	447	-	174	-	↑1,6lần	-
8	VG vi rút: A,B,C,D,E	269	-	138	-	↑94,9%	-
9	Bệnh Dại	2	2	2	2	-	-
10	VMN mô cầu	-	-	-	-	-	-
11	Thủy đậu – Zona	279	-	34	-	↑7,2 lần	-
12	Bạch hầu	-	-	-	-	-	-
13	Ho gà	-	-	-	-	-	-
14	UV sơ sinh	1	1	-	-	↑ 1 ca	↑ 1 ca
15	UV khác	2	-	-	-	↑ 2 ca	↑ 2 ca
16	Liệt mềm cấp nghi BL	-	-	-	-	-	-
17	Sởi	-	-	-	-	-	-
18	Quai bị	10	-	14	-	↓28,6%	-
19	Rubella	-	-	-	-	-	-
20	Cúm	2.856	-	3.328	-	↓14,2%	-
21	Cúm A/H5N1	-	-	-	-	-	-
22	Cúm A/H7N9	-	-	-	-	-	-
23	APC-Adenovirut	2	-	-	-	↑ 2 ca	-
24	Dịch hạch	-	-	-	-	-	-
25	Bệnh than	-	-	-	-	-	-
26	Leptospira	-	-	-	-	-	-
27	Tay chân miệng	141	1	434	-	↓67,5%	↑ 1 ca
28	Bệnh liên cầu lợn ở người	2	-	-	-	↑ 2 ca	-
29	Viêm Não Nhật Bản B	2	-	-	-	↑ 2 ca	-
30	EBola	-	-	-	-	-	-
31	Lassa	-	-	-	-	-	-
32	Mar Burg	-	-	-	-	-	-
33	Sốt Tây Sông Nin	-	-	-	-	-	-
34	Sốt vàng	-	-	-	-	-	-
35	MERS- CoV	-	-	-	-	-	-
36	Bệnh do vi rút Zika	-	-	-	-	-	-
37	Bệnh Withmore	1	1	1	-	-	↑ 1 ca
38	Bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút nCov	1.769	2	159.551	198	↓98,9%	↓98,9%
39	BTN nguy hiểm và bệnh chưa rõ tác nhân gây bệnh	-	-	-	-	-	-
40	Sốt rét	3	0	3	0	-	-

## Phụ lục 2

## KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG THƯỜNG XUYÊN

STT	HUYỆN/TP	Số trẻ <1 tuổi TCTX	MIỀN DỊCH CƠ BẢN																		BVUVSS	
			BCG		VGB <24h		DPT-VGB- HiB3		OPV		IPV1		IPV2		Đủ mũi Bại liệt		SỞI 1		TCDD			
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	TP.Buôn Ma Thuột	5.746	2.496	43,4	2.454	42,7	1.335	23,2	841	14,6	2.516	43,8	2.121	36,9	2.363	41,1	2.280	39,7	2.231	38,8	2.254	39,2
2	H. Lắk	1.419	597	42,1	336	23,7	76	5,4	275	19,4	558	39,3	485	34,2	338	23,8	493	34,7	394	27,8	571	40,2
3	H. Krông Bông	1.761	643	36,5	571	32,4	219	12,4	449	25,5	743	42,2	689	39,1	664	37,7	631	35,8	520	29,5	586	33,3
4	H. Krông Buk	955	457	47,9	545	57,1	87	9,1	196	20,5	642	67,2	527	55,2	504	52,8	402	42,1	291	30,5	342	35,8
5	H. EaH'leo	2.181	830	38,1	508	23,3	40	1,8	508	23,3	766	35,1	1.001	45,9	769	35,3	872	40,0	733	33,6	763	35,0
6	H. Krông Pắc	2.912	1.248	42,9	1.175	40,4	257	8,8	729	25,0	1.358	46,6	1.844	63,3	1.141	39,2	1.121	38,5	961	33,0	1.204	41,3
7	H. Krông Ana	1.347	550	40,8	605	44,9	188	14,0	364	27,0	546	40,5	662	49,1	609	45,2	523	38,8	464	34,4	518	38,5
8	H. CưM'gar	2.818	1.135	40,3	581	20,6	245	8,7	836	29,7	1.467	52,1	1.741	61,8	1.191	42,3	1.206	42,8	976	34,6	1.099	39,0
9	H. Ea Soup	967	392	40,5	236	24,4	165	17,1	416	43,0	445	46,0	681	70,4	336	34,7	375	38,8	325	33,6	355	36,7
10	H. M'Drak	1.165	561	48,2	585	50,2	72	6,2	335	28,8	543	46,6	996	85,5	391	33,6	503	43,2	364	31,2	514	44,1
11	H. Krông Năng	2.076	897	43,2	778	37,5	196	9,4	490	23,6	912	43,9	714	34,4	767	36,9	724	34,9	584	28,1	797	38,4
12	H. EaKar	2.148	830	38,6	792	36,9	188	8,8	432	20,1	944	43,9	1.381	64,3	1.092	50,8	694	32,3	515	24,0	765	35,6
13	H. Buôn Đôn	1.125	429	38,1	454	40,4	49	4,4	273	24,3	399	35,5	591	52,5	387	34,4	425	37,8	344	30,6	385	34,2
14	H. CưKuin	1.578	678	43,0	769	48,7	189	12,0	487	30,9	640	40,6	678	43,0	493	31,2	630	39,9	599	38,0	637	40,4
15	TX Buôn Hồ	1.530	671	43,9	530	34,6	159	10,4	314	20,5	777	50,8	756	49,4	638	41,7	572	37,4	516	33,7	595	38,9
<b>CỘNG ĐƠN</b>		<b>29.728</b>	<b>12.414</b>	<b>41,8</b>	<b>10.919</b>	<b>36,7</b>	<b>3.465</b>	<b>11,7</b>	<b>6.945</b>	<b>23,4</b>	<b>13.256</b>	<b>44,6</b>	<b>14.867</b>	<b>50,0</b>	<b>11.683</b>	<b>39,3</b>	<b>11.451</b>	<b>38,5</b>	<b>9.817</b>	<b>33,0</b>	<b>11.385</b>	<b>38,3</b>

## Phụ lục 3:

## SỐ NHIỄM HIV THEO HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ 6 THÁNG 2023

TT	Huyện	HIV				AIDS				Tử vong			
		Mới phát hiện		Lũy tích		Mới phát hiện		Lũy tích		Mới phát hiện		Lũy tích	
		Tổng số	Trong đó <16	Tổng số	Trong đó <16	Tổng số	Trong đó <16	Tổng số	Trong đó <16	Tổng số	Trong đó <16	Tổng số	Trong đó <16
1	Buôn Ma Thuột	24		894	21			499	2	67		227	
2	Buôn Hồ	3		100	1			68	1	2		33	
3	Ea H'leo	2		96	2			47	9	12		18	
4	Ea Súp	0		89	4			59	1	0		7	
5	Buôn Đôn	1		59	3			38	7	0		11	1
6	Cư M'gar	2		130	8			77	1	10		25	
7	Krông Búk	1		65	3			43	7	0		23	2
8	Krông Năng	5		118	1			66	4	0		16	1
9	Ea Kar	4		109	6			66	0	16		26	
10	M'Đrắk	0		49	4			32	2	0		15	2
11	Krông Bông	3		58	2			40	1	0		20	1
12	Krông Pắc	9		165	7			82	1	25		41	
13	Krông A Na	4		72	1			36	4	1		10	1
14	Lắk	0		36	1			21	0	2		7	
15	Cư Kuin	4		74	1			37	2	3		13	
16	Không rõ				0				0	0			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>62</b>	<b>0</b>	<b>2114</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1211</b>	<b>42</b>	<b>138</b>	<b>0</b>	<b>492</b>	<b>8</b>

**Phụ lục 4**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU DÂN SỐ - KHHGD 6 THÁNG NĂM 2023**

<b>TT</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>6 tháng năm 2022</b>	<b>6 tháng năm 2023</b>
1	Tổng số sinh	Người	11.063	11.799
	<i>Trong đó: Nam</i>	<i>Người</i>	5.729	6.143
	<i>Nữ</i>	<i>Người</i>	5.334	5.656
2	Tỷ lệ con thứ 3 trở lên	%	13,2	12,7
3	Tổng số người mới sử dụng BPTT	<b>Cặp</b>	<b>105.494</b>	<b>103.616</b>
	+ Triệt sản	Cặp	150	159
	+ Dụng cụ tử cung	Cặp	6.405	6.377
	+ Thuốc cấy tránh thai	Cặp	1.607	805
	+ Thuốc tiêm tránh thai	Cặp	9.510	9.761
	+ Thuốc uống tránh thai	Cặp	51.449	50.324
	+ Bao cao su	Cặp	36.373	36.190
4	Tổng số người đang sử dụng BPTT	<b>Cặp</b>	<b>244.465</b>	<b>246.521</b>
	+ Triệt sản	Cặp	7.964	7.534
	+ Dụng cụ tử cung	Cặp	116.463	117.459
	+ Thuốc cấy tránh thai	Cặp	3.317	4.502
	+ Thuốc tiêm tránh thai	Cặp	9.510	9.761
	+ Thuốc uống tránh thai	Cặp	51.449	50.324
	+ Bao cao su	Cặp	36.373	36.190
	+ Biện pháp khác	Cặp	19.389	20.751

## Phụ lục 5a

## TỔNG HỢP SỐ LIỆU SÀNG LỌC TRƯỚC SINH 6 THÁNG NĂM 2023

Đơn vị tính: ca

STT	Đơn vị	Số bà mẹ mang thai		Số lượt khám thai	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU					KẾT QUẢ TÀM SOÁT									
					Kế hoạch	THỰC HIỆN			%	3 tháng đầu (SL 1)				3 tháng giữa ( SL 2)				Nghỉ ngờ bệnh	
		Miễn phí	Xã hội hóa			Tổng cộng	Siêu âm đơn thuần			SA + XN		Siêu âm đơn thuần		SA + XN					
							MP	XHH		MP	XHH	MP	XHH	MP	XHH	MP	XHH		
1	TP Buôn Ma Thuột	2.576	2.196	7.785	2.500	5	1.101	1.106	44		529		206		356	5	10		1
2	Huyện Ea Hleo	744	698	1.119	712		501	501	70		204				297				
3	Huyện Ea Súp	396	353	849	400		250	250	63		142				108				
4	Huyện Buôn Đôn	644	230	857	475		207	207	44		112		68		27				
5	Huyện Cư Mgar	2.171	1.015	2.330	1.250	58	493	551	44	23	213		11	35	267		2	1	
6	TX Buôn Hồ	623	353	859	660		324	324	49		187				134		3		
7	Huyện Krông Búk	492	254	576	400		209	209	52		105		1		103				
8	Huyện Krông Năng	1.135	735	1.888	840		284	284	34		143		17		123		1		
9	Huyện Ea Kar	1.747	662	2.909	850		649	649	76		416				233				
10	Huyện MĐrắk	461	525	618	620		394	394	64		207				187				
11	Huyện Krông Bông	885	516	1.290	752	66	201	267	36	26	129		2	40	70				
12	Huyện Krông Pắc	857	948	1.945	1.033	4	650	654	63	4	366		9		274		1		
13	Huyện Krông Ana	808	429	1.470	560		215	215	38		95		22		81		17		
14	Huyện Cư Kuin	1.333	639	1.857	710	1	232	233	33		78		58	1	22		74		
15	Huyện Lắk	471	614	1.091	625	55	290	345	55	14	123		15	41	111		41		
16	BV Thiện Hạnh						1.041	1.041											4
17	BV ĐH Y Dược BMT						265	265											15
<b>Tổng cộng</b>		<b>15.343</b>	<b>10.167</b>	<b>27.443</b>	<b>12.387</b>	<b>189</b>	<b>7.306</b>	<b>7.495</b>	<b>61</b>	<b>67</b>	<b>3.049</b>	<b>0</b>	<b>409</b>	<b>117</b>	<b>2.393</b>	<b>5</b>	<b>149</b>	<b>1</b>	<b>20</b>

## Phụ lục 5b

## TỔNG HỢP SỐ LIỆU SÀNG LỌC SƠ SINH 6 THÁNG NĂM 2023

Đơn vị tính: ca

TT	Đơn vị	Tổng số trẻ sinh ra sống	Số trẻ sinh ra được sàng lọc					Số trẻ nghi ngờ mắc bệnh					Dị tật khác	
			Kế hoạch	THỰC HIỆN			%	Suy giáp	G6PD	Khiếm thính BS	Tim BS	Tăng sản TTBS		
				Miễn phí	Xã hội hóa	Tổng cộng								
1	TP Buôn Ma Thuột	2.435	2.523	0	936	936	37	0	22	0	0	0	0	0
2	Huyện Ea H'Leo	848	762	0	188	188	25	0	0	0	0	0	0	0
3	Huyện Ea Súp	361	450	0	98	98	22	0	0	0	0	0	0	0
4	Huyện Buôn Đôn	386	550	0	35	35	6	0	0	0	0	0	0	0
5	Huyện Cư M'gar	914	1.286	0	149	149	12	0	1	0	0	0	0	0
6	Thị xã Buôn Hồ	494	640	0	304	304	48	0	0	0	0	0	0	0
7	Huyện Krông Búk	395	390	0	64	64	16	0	0	0	0	0	0	0
8	Huyện Krông Năng	843	850	0	158	158	19	0	3	0	0	0	0	0
9	Huyện Ea Kar	791	900	0	292	292	32	0	0	0	0	0	0	0
10	Huyện M'Đrắk	605	600	0	77	77	13	0	0	0	0	0	0	0
11	Huyện Krông Bông	713	805	0	63	63	8	0	0	0	0	0	0	0
12	Huyện Krông Pắc	1.149	1.292	0	263	263	20	0	0	0	0	0	0	0
13	Huyện Krông Ana	565	585	0	147	147	25	0	2	0	0	0	0	0
14	Huyện Cư Kuin	750	698	0	209	209	30	0	0	0	0	0	0	0
15	Huyện Lắk	550	678	0	201	201	30	0	0	0	0	0	0	0
<b>Tổng cộng các huyện</b>		<b>11.799</b>	<b>13.009</b>	<b>0</b>	<b>3.184</b>	<b>3.184</b>	<b>24</b>	<b>0</b>	<b>28</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
16	BV Thiện Hạnh	0			4.550	4.550		0	46	0	0	0	0	0
17	BV ĐH Y Dược BMT	0			1.253	1.253		0	16	0	0	0	0	0
<b>TOÀN TỈNH</b>		<b>11.799</b>	<b>13.009</b>	<b>0</b>	<b>5.803</b>	<b>5.803</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>62</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>



## Phụ lục 5C

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP TRÁNH THAI 6 THÁNG NĂM 2023

TT	ĐƠN VỊ	TRIỆT SẴN			VÒNG TRÁNH THAI			CÂY TRÁNH THAI MỚI			THUỐC TIÊM			THUỐC UỐNG			BAO CAO SU			
		KH	TH	Đạt %	KH	TH	Đạt %	KH	TH	Đạt %	KH	TH	Đạt %	KH	TH	Đạt %	KH	TH	Đạt %	
		Toàn Tỉnh			256	159	62	13.745	6.377	46,4	818	805	98,4	9.000	9.761	108,5	50.638	50.324	99,4	36.993
1	TP Buôn Ma Thuột	40	24	60	1.700	801	47,1	40	35	87,5	660	665	100,8	7.200	7484	103,9	8.783	8964	102,1	
2	Huyện Ea H'Leo	12	5	42	900	381	42,3	60	114	190,0	800	880	110,0	3.800	3884	102,2	3.200	3182	99,4	
3	Huyện Ea Súp	10	5	50	700	205	29,3	5	13	260,0	350	296	84,6	2.080	2091	100,5	1.110	897	80,8	
4	Huyện Buôn Đôn	7	7	100	500	296	59,2	20	6	30,0	300	307	102,3	2.000	1912	95,6	760	682	89,7	
5	Huyện Cư M'gar	37	24	65	1.655	357	21,6	40	61	152,5	750	761	101,5	6.174	5935	96,1	2.310	2180	94,4	
6	Thị xã Buôn Hồ	12	6	50	900	590	65,6	50	54	108,0	720	769	106,8	3.330	3373	101,3	3.140	3152	100,4	
7	Huyện Krông Buk	11	2	18	600	253	42,2	65	22	33,8	750	641	85,5	1.800	1716	95,3	1.000	801	80,1	
8	Huyện Krông Năng	12	9	75	900	375	41,7	40	30	75,0	250	270	108,0	2.350	2370	100,9	2.200	2285	103,9	
9	Huyện Ea Kar	16	9	56	1.500	901	60,1	200	74	37,0	600	604	100,7	3.900	3869	99,2	3.000	2958	98,6	
10	Huyện M'Đrắk	5	15	300	600	202	33,7	60	146	243,3	780	730	93,6	2.150	2057	95,7	1.000	1013	101,3	
11	Huyện Krông Bông	8	6	75	600	280	46,7	40	35	87,5	752	810	107,7	2.660	2660	100,0	1.000	1030	103,0	
12	Huyện Krông Pắc	48	24	50	1.200	817	68,1	48	25	52,1	588	767	130,4	4.634	4566	98,5	3.680	3366	91,5	
13	Huyện Krông Ana	10	12	120	600	263	43,8	60	57	95,0	350	367	104,9	2.410	2399	99,5	1.410	1422	100,9	
14	Huyện Cư Kuin	25	8	32	890	517	58,1	50	110	220,0	800	1239	154,9	4.050	3798	93,8	3.800	3623	95,3	
15	Huyện Lắk	3	3	100	500	139	27,8	40	23	57,5	550	655	119,1	2.100	2210	105,2	600	635	105,8	

Phụ lục 6a:

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH - ĐIỀU TRỊ 6 THÁNG NĂM 2023

TT	Đơn vị	Khám bệnh (lượt)		Điều trị nội trú (lượt)		Điều trị ngoại trú (lượt)		Xét nghiệm (lượt)	Siêu âm, Cđoán (lượt)	X.quang (lượt)	Điện tim (lượt)	Điện não (lượt)	Nội soi (lượt)	PTL3 trở lên (ca)	Tổng số thủ thuật (ca)	Tổng CT-Scan (lượt)	Tổng số đê (ca)	Mổ đê (ca)	Tổng số máu truyền (ml)	Tỉ lệ chu yển tuyến (%)
		T. số	BHYT	T. số	BHYT	T. số	BHYT													
1	BVĐK vùng Tây Nguyên	173.795	144.928	41.962	37.885	9.230	4.814	814.832	85.071	69.988	33.108	1250	9.204	10.371	208.865	14.320	2.694	1.438	9.867.000	6,80
2	BV ĐKKV 333	36128	29.086	5936	5208	5	3	76407	11419	13870	5.585	230	483	1062	8.869	0	902	263	29.000	4,34
3	BV YHCT tỉnh	11670	9617	3964	3867	821	750	21046	3692	8509	2.170		350	24	297191					0,74
4	BV Phổi	3.320	1.939	1.073	978	293	292	24.791	1.024	3.103	554		66	11	268				3.800	3,30
5	BV Tâm Thần	8607	7528	679	668	38	38	4394				1.684								
6	Bệnh viện Mắt	8.207	2.813	990	957	-	-	1.098	1.138	-	207			673	1.950	-	-	-	-	1,40
7	BVĐK Tp. Buôn Ma Thuột	104.426	101.638	4.770	4.382	2.118	2.805	39.790	23.265	18.299	11.070	88	4.454	2.328	45.125	1.645	986	375	58.250	3,40
8	BVĐK thị xã Buôn Hồ	53.835	53.107	4.716	4.309	1.026	1.010	73.525	12.376	10.653	5.778	213	329	319	38.259	932	302	60	7.750	6,57
9	TTYT huyện Krông Pắc	76.040	73.825	10.287	9.696	574	573	90.062	13.632	20.406	4.302	186	422	1.226	25.706	1.222	976	273	18.000	10,70
10	TTYT huyện Krông Ana	22245	21390	1848	1449	207	207	33969	5189	4931	1534	0	0	16	9001	0	246	11	0	12,80
11	TTYT huyện Cư M'gar	43.724	32.542	6.186	5.684	1.071	799	87.150	11.092	15.334	2.665	65		1.070	23.191	-	584	584	49.600	3,89
12	TTYT huyện Ea H'Leo	32.695	31896	2.978	2.529	3.135	2.468	28.329	5.853	9.460	2.023			102	1.522	-	482	-	-	8,67
13	TTYT huyện Krông Năng	41.356	40.299	3.761	3.476	68	68	35.194	7.493	7.998	1.923		84	89	4.238	-	148	-	-	6,80
14	TTYT huyện Krông Bông	28.121	27.386	2.604	2.329	197	197	39.512	5.247	3.916	1.252	-	-	198	10.387	-	368	3	-	5,20
15	TTYT huyện Ea Kar	42.893	42201	4.205	4015	271	271	52.032	8.021	12.475	4.132	121	224	97	19.579	-	93	11	1.750	4,30
16	TTYT huyện Ea Súp	18.209	16.876	2.375	2.105	109	109	23.059	2.093	3.612	561			37	15.763	-	223	3	-	7,40
17	TTYT huyện M'Đrắk	26.712	24.461	4.596	4.405	480	478	47.153	13.793	11.825	4.423	277	134	435	11.703	-	459	106	7.250	4,22
18	TTYT huyện Lắk	16.794	16.043	2.964	2.817	239	186	37.869	4.612	3.584	927	29	110	-	4.818	-	402	-	-	6,30
19	TTYT huyện Buôn Đôn	37.682	36.800	4.380	4.254	644	640	55.810	10.080	9.800	2.300	90	710	655	1.790	-	370	80	60.900	4,54
20	TTYT huyện Cư Kuin	27.988	26.538	3.118	2.816	36	36	31.545	7.521	9.483	2.761	71	-	327	9.880	-	458	111	-	5,42
21	TTYT huyện Krông Buk	6.800	6607	1.452	1.337			6.015	1.717	1.900	320			31	940			10		4,10
22	BVĐK Thiện Hạnh	236.784	121.973	28.865	22.854	2.790	945	693.983	116.147	61.787	47.429	765	22.408	240	211.166	8.951	4.628	3.175	237.700	6,15
23	Bệnh viện ĐHTN	44.193	39.878	2.759	2.530	1.909	1.722	75.866	12.125	10.856	4.300			1.397	42.160		451	201	2.250	1,00
24	Bệnh viện Mắt TN	33.868	17.441	2.667	2.173	193	23	15.920	3.043		4.488			5.037	16.520					0,00
25	BVĐK Cao Nguyên																			
26	BVĐK Hòa Bình	33.248	27.315	4028	3690	0	0	87.137	16.021	14.758	6308	19	0	469	2877	0	706	151	1500	8,20
27	BV Nhi Tâm Đức	26.270	16.011	3.169	2.977	0	0	30.020	6.069	5.695	19	0	0	0		0	0	0	0	0,05
28	Bệnh viện ĐH Y dược BMT	120.717	92.706	8.579	7.710	179	128	406.750	62.265	37.317	16.609	0	15.913	5.004	44.035	4009	897	597	98420	2,82
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.316.327</b>	<b>1.062.844</b>	<b>164.911</b>	<b>147.100</b>	<b>25.633</b>	<b>18.562</b>	<b>2.933.258</b>	<b>449.998</b>	<b>369.559</b>	<b>166.748</b>	<b>5.088</b>	<b>54.891</b>	<b>31.218</b>	<b>1.055.803</b>	<b>31.079</b>	<b>16.375</b>	<b>7.452</b>	<b>10.443.170</b>	<b>4,61</b>

## Phụ lục 6b:

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH - ĐIỀU TRỊ 6 THÁNG NĂM 2023 (tt)

TT	Đơn vị	Phát triển kỹ thuật mới	Ngày điều trị trung bình/GB	KQ đánh giá Bộ tiêu chí chất lượng BV	Mức chất lượng phòng xét nghiệm y học	Phát triển danh mục kỹ thuật cùng tuyến (%)	Công suất SDGB/ GB kế hoạch (%)	Sự hài lòng người bệnh nội trú (điểm)	Sự hài lòng người bệnh Ngoại trú (điểm)	Sự hài lòng nhân viên (điểm)	Khảo sát sự hài lòng của người nhà BN (điểm)	Cơ sở xanh sạch đẹp
1	BVĐK vùng Tây Nguyên	9	5,8	3,4	Mức 3	81,86	110	4,31	4,28	3,88		Đạt
2	BV ĐKKV 333	19	5,08	3,31	Mức 2	5,26	74,94	4,83	4,8			Đạt
3	BV YHCT tỉnh	0	14,4	3,42	Mức 2	61,6	119	4,67	4,77			
4	BV Phôi	5	11,71		Mức 2		69	4,80	4,50	4,30		Đạt
5	BV Tâm Thần	0	20		Mức 2		74	4,45	4,47	4,48	4,46	Đạt
6	Bệnh viện Mắt	3	2,56	3,24	Mức 1	86	20	4,79	4,78	4,72	0	Đạt
7	BVĐK Tp. Buôn Ma Thuột	0	3,91	3,63	2	0	54,00	4,69	4,63	4,65	4,60	Đạt
8	BVĐK thị xã Buôn Hồ	0	5,15	3,29	Mức 2	0	49,54	4,58	4,47	4,61		Đạt
9	TTYT huyện Krông Pắc	1	5	5,5	Mức 2	65	128,75	4,54	4,5	4,61		Đạt
10	TTYT huyện Krông Ana	0	5,2	3,29	Mức 2	38,6	44,37	4,64	4,55	4,33		Đạt
11	TTYT huyện Cư M'gar	30	4,47	3,61	Mức 2	70	72,3	4,63	4,63	4,79	4,62	Đạt
12	TTYT huyện Ea H'Leo	0	5,7	3,31	Mức 2	0	55,47	4,61	4,58	5,52	0	Đạt
13	TTYT huyện Krông Năng	0	4,4	3,47	Mức 2	62	54	4,67	4,66	4,50	0	Đạt
14	TTYT huyện Krông Bông	0	6,50	3,4	Mức 2	62	70,60	4,66	4,77	4,87	4,82	Đạt
15	TTYT huyện Ea Kar	0	6,47	3,26	Mức 2	90,00	81,6	4,715	4,84	4,2		Đạt
16	TTYT huyện Ea Súp	0	5	3,01	Mức 2	65	52,7	4,52	4,21	4,76	0	84
17	TTYT huyện M'Đrăk	0	5,14	3,36	Mức 2	85	80,45	4,51	4,41	4,52	4,46	Đạt
18	TTYT huyện Lắk	0	3,2	2,90	Mức 2	49	43	4,20	4,18	4,5	4,3	Đạt
19	TTYT huyện Buôn Đôn	0	5,97	3,53	Mức 2	80,00	78,0	4,55	4,58	4,60	4,57	Đạt
20	TTYT huyện Cư Kuin	0	4,7	3,47	Mức 2	76	43	4,73	4,62	4,50	0,00	Đạt
21	TTYT huyện Krông Buk	0	5,7	2,4	Mức 1	0	85	4,40	4,34	4,34		Đạt
22	BVĐK Thiện Hạnh	139	4,14	3,96	Mức 3	0,6	92,1	4,49	4,44	4,29		Đạt
23	Bệnh viện DHTN	0	4,1		Mức 2		51,8	4,35	4,16	4,00	-	
24	Bệnh viện Mắt TN	1	2,45	3,19	Mức 2	98	73,7	4,99	4,99	5,00	4,99	Đạt
25	BVĐK Cao Nguyên											
26	BVĐK Hòa Bình	3	4,10	3,38	Mức 2	3	184	4,72	4,71	4,71		Đạt
27	BV Nhi Tâm Đức	0	4,20	3,24	Mức 2	0	73,2	4,81	4,8	4,90	4,9	Đạt
28	Bệnh viện ĐH Y dược BMT	0	5,1	3,45	Mức 3	76,8	110,7	4,60	4,56	4,01		Đạt
	<b>Tổng cộng</b>	<b>210</b>	<b>5,94</b>	<b>3,04</b>		<b>42,82</b>	<b>75,75</b>	<b>4,61</b>	<b>4,56</b>	<b>4,21</b>	<b>1,55</b>	

Phụ lục 6c:

**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH - ĐIỀU TRỊ 6 THÁNG NĂM 2023 TẠI TRẠM Y TẾ**

TT	Đơn vị	Lần khám bệnh			Điều trị nội trú			Số lần		
		Tổng số	Trẻ em	BHYT	Tổng số	Trẻ em	BHYT	XN	Ca đẻ	Chuyển viện
1	Tp. Buôn Ma Thuột	27.695	544	7.902	0	0	0	2.534	1	46
2	Huyện Krông Pắc	14.854	1.591	13.687	5	0	5	611	1.128	
3	Thị xã Buôn Hồ	7.562	553	6.014	0	0	0	390	0	0
4	Huyện Krông Ana	15.568	1.794	15.372	52	0	52	1.570	0	30
5	Huyện Cư M'gar	21.678	2.643	18.526	0	0	0	928	4	0
6	Huyện Ea H'Leo	23.470	3.824	12.736	26	1	14	1.644	24	113
7	Huyện Krông Năng	29.460	5.789	27.789	34	0	0	2.374	5	383
8	Huyện Krông Bông	17.784	2.297	15.864	24	0	24	1.528	36	165
9	Huyện Ea Kar	21.748	2.381	19.830	0	0	0	2.515	0	0
10	Huyện Ea Súp	11.009	3.334	9.703	21	0	19	3.948	5	0
11	Huyện M'Đrắk	14.995	1.932	9.811	73	0	73	4.642	0	28
12	Huyện Lắk	11340	1881	9247	15	0	13	1041	20	107
13	Huyện Buôn Đôn	14678	2.201	12.264	8	0	0	0	0	91
14	Huyện Cư Kuin	8.257	881	7.276	0	0	0	1.365	0	0
15	Huyện Krông Buk	2.497	437	2.497				782	18	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>242.595</b>	<b>32.082</b>	<b>188.518</b>	<b>258</b>	<b>1</b>	<b>200</b>	<b>25.872</b>	<b>1.241</b>	<b>963</b>